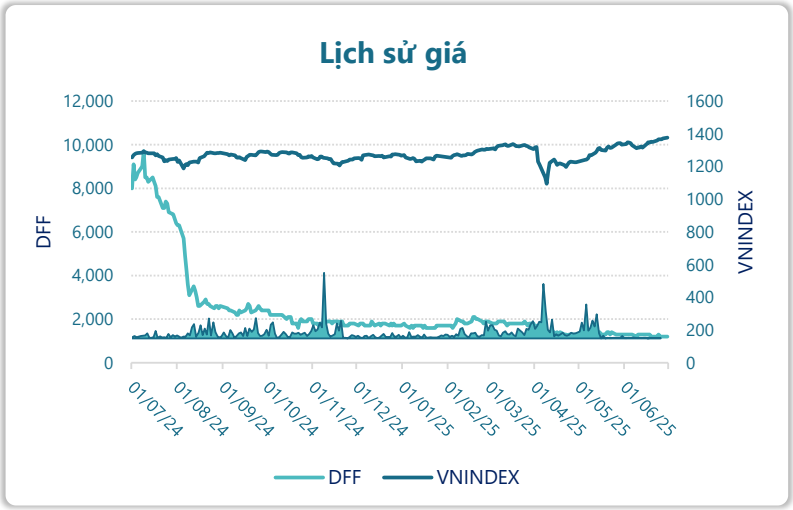
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	182,585
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	-0.2
EPS	-7,344

DT thuần

Q2/25

44.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.3| -40.7%

YoY: ▲ 10.7| 31.9%

LN sau thuế

Q2/25

-203

tỷ VNĐ

QoQ: ▼86.0| -73.9%

YoY: ▼89.0| -78.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-387%

+/- YoY: ▼ 294%

DT thuần

6T 2025

119

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.5| 45.7%

LN sau thuế

6T 2025

-320

tỷ VNĐ

YoY: ▼185| -137%

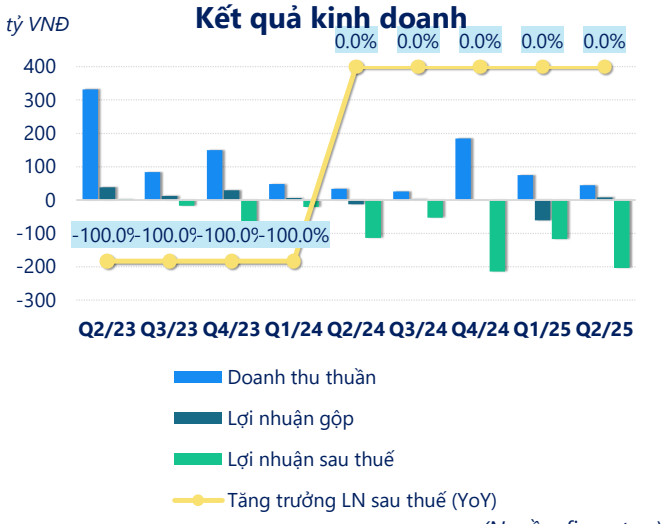
ROE

Q2/25

-243%

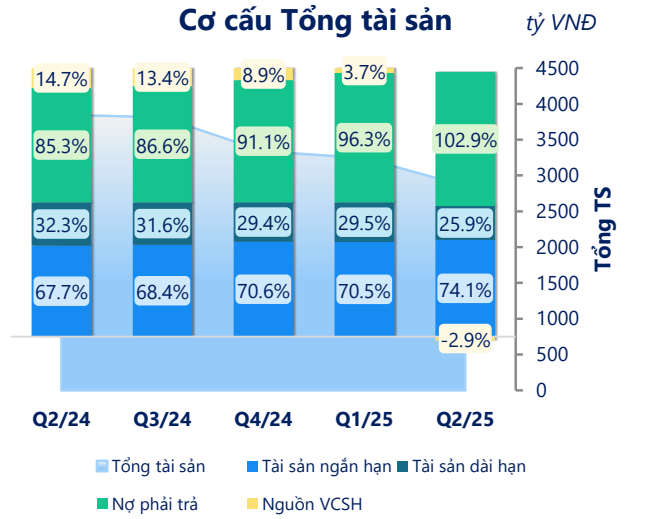
+/- YoY: ▼ 211%

Kết quả kinh doanh



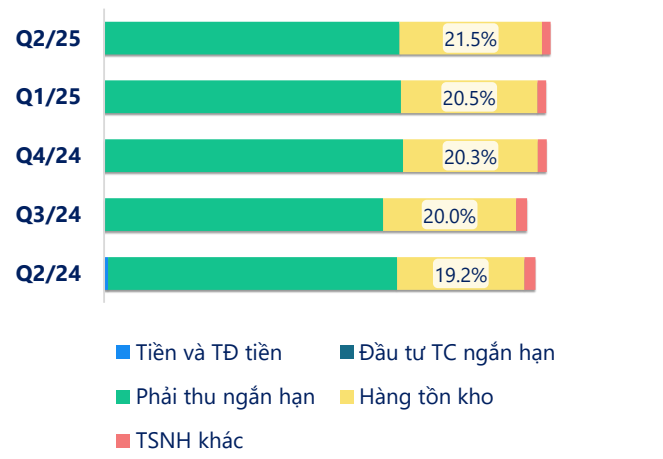
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



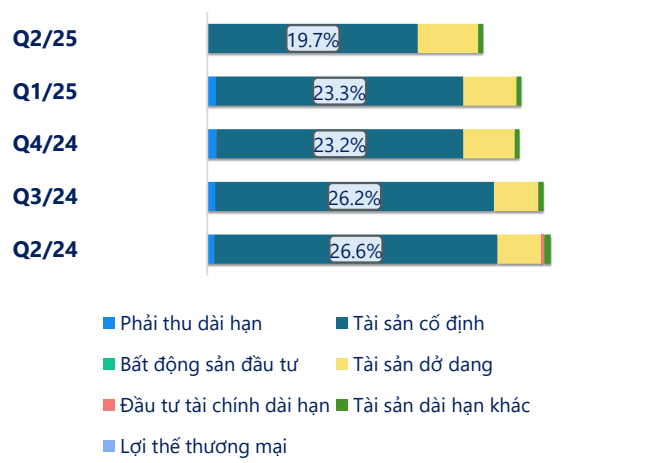
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



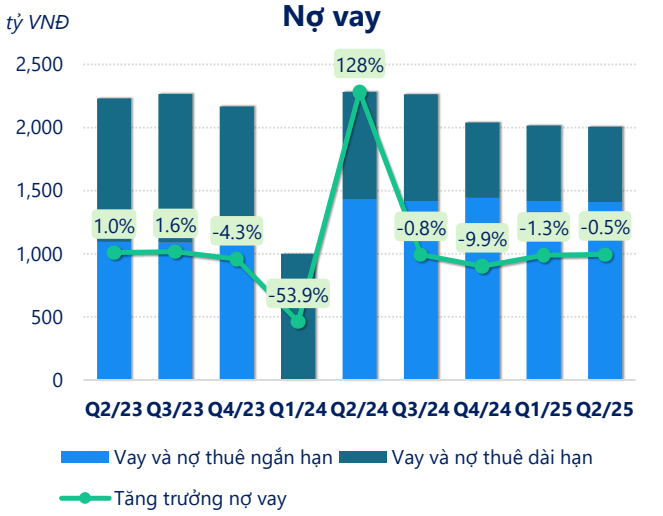
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



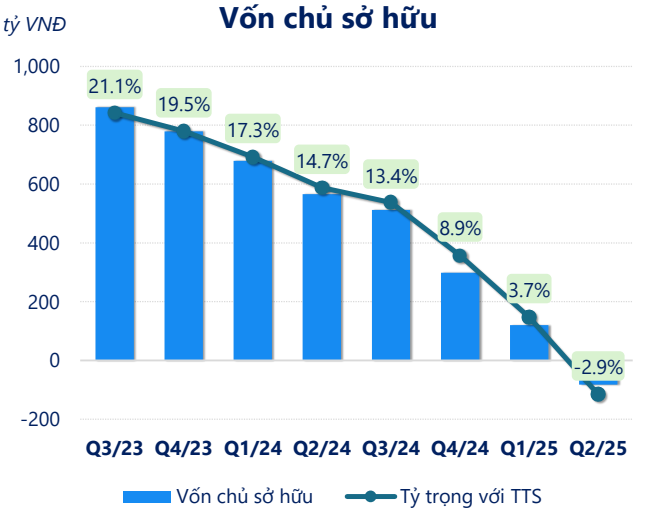
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



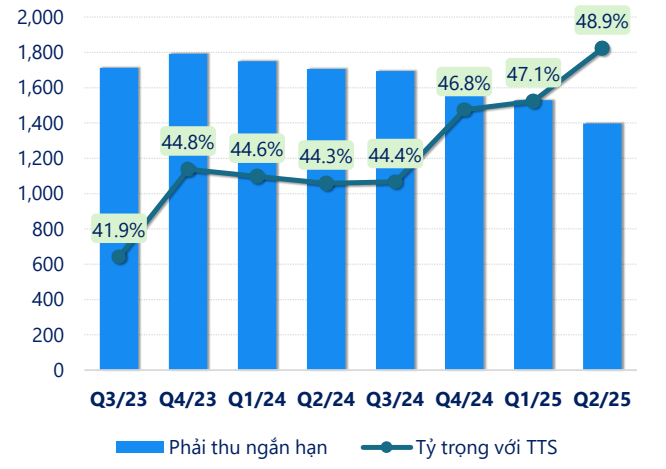
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



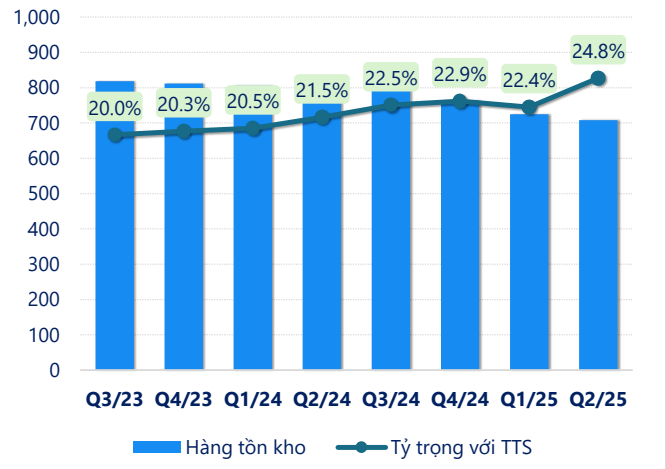
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



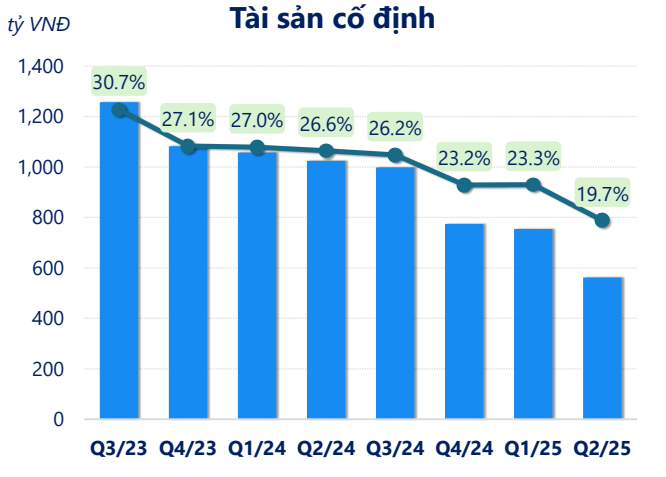
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



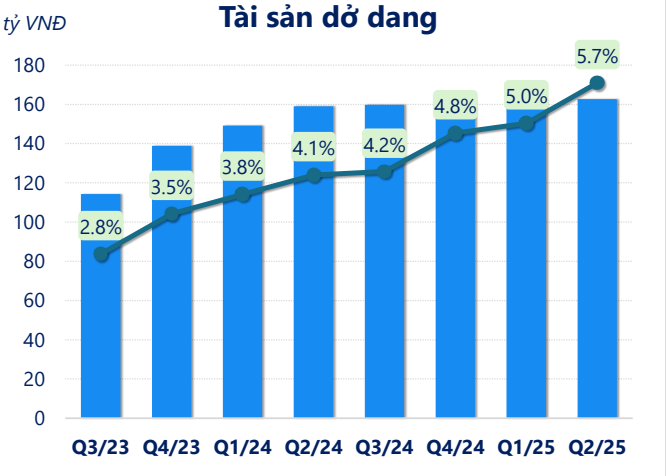
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



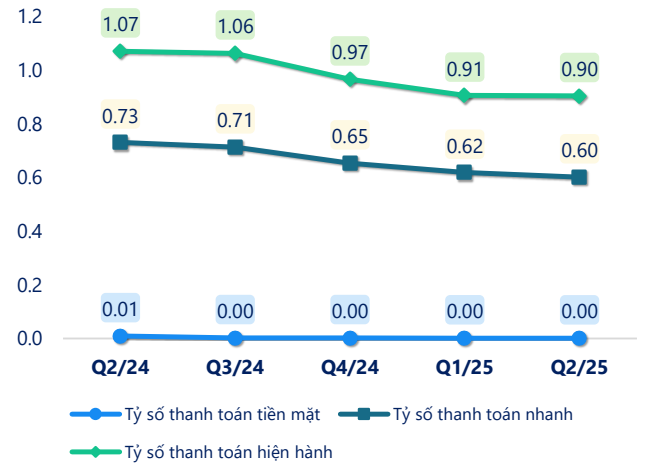
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



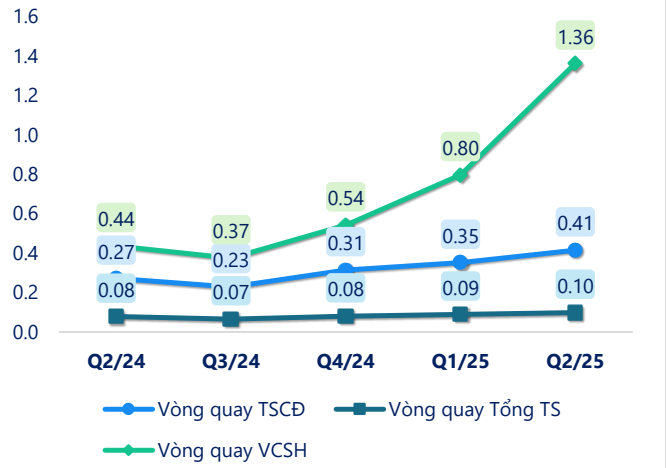
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,848**	**3,814**	**3,338**	**3,243**	**2,854**
Tài sản ngắn hạn	**2,606**	**2,607**	**2,358**	**2,286**	**2,113**
Tiền và tương đương tiền	22.7	5.20	5.21	2.94	2.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,706	1,693	1,564	1,529	1,397
Hàng tồn kho	827	859	763	725	708
Tài sản ngắn hạn khác	49.9	50.4	25.7	28.8	6.44
Tài sản dài hạn	**1,243**	**1,206**	**980**	**957**	**741**
Phải thu dài hạn	25.5	28.5	28.5	26.2	2.29
Tài sản cố định	1,025	999	775	754	562
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	159	160	162	163	163
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	0	0.00	0	0
Tài sản dài hạn khác	23.3	18.9	15.2	14.2	13.4
Lợi thế thương mại	0.03	0	0	0.03	0.03
Nợ phải trả	**3,283**	**3,301**	**3,040**	**3,123**	**2,936**
Nợ ngắn hạn	**2,435**	**2,454**	**2,441**	**2,524**	**2,338**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,434	1,417	1,442	1,417	1,411
Phải trả người bán ngắn hạn	531	529	531	518	297
Nợ dài hạn	848	848	599	599	599
Vay và nợ thuê dài hạn	848	847	598	598	595
Nguồn vốn chủ sở hữu	**565**	**512**	**298**	**120**	**-82.3**
Vốn chủ sở hữu	**565**	**512**	**298**	**120**	**-82.3**
Vốn điều lệ	800	800	800	800	800
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)